

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 3344/STC-QLNS
V/v lấy ý kiến tham gia về quy định
chính sách trợ cấp tiền mua và vận
chuyển nước ngọt và sạch ở vùng thiếu
nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh

Quảng Trị, ngày 02 tháng 10 năm 2020

- Kính gửi:
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
 - Ủy ban nhân dân các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cồn Cỏ;
 - Trung tâm Tin học, VP UBND tỉnh.

Căn cứ quy định tại điểm 3, Điều 7 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác định vùng thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thời gian hưởng và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho phù hợp với tình hình cụ thể của những nơi thiếu nước ngọt và sạch tại địa phương*”.

Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020. Theo đó, HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về Chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch ở những vùng thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh (*Số thứ tự 19, kỳ họp thứ 16, khóa VII*)

Căn cứ Kế hoạch của HĐND tỉnh, Sở Tài chính đã ban hành các văn bản lấy ý kiến của các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện; sau khi tổng hợp ý kiến, Sở Tài chính dự thảo Tờ trình trình UBND tỉnh, Tờ trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến để Sở Tài chính hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 16 xem xét, ban hành (*các dự thảo kèm theo*).

Ý kiến tham gia bằng văn bản và qua địa chỉ thư điện tử: hothimyanh@quangtri.gov.vn gửi Sở Tài chính **trước ngày 12/10/2020** để tổng hợp, thực hiện các bước tiếp theo. Nội dung được đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở Tài chính: <http://stcquangtri.gov.vn>).

Đề nghị Trung tâm Tin học, Văn phòng UBND tỉnh đăng tải các dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý.

Đề nghị các đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh (B/cáo);
- UBND tỉnh (B/cáo);
- Lưu: VT, Giá – CS; QLNS.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Thanh

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-STC *Quảng Trị, ngày tháng năm 2020*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Công văn số 444/UBND-TH ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung kỳ họp thứ 7 – HĐND tỉnh khóa VII; Công văn số 533/UBND-TH ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh về việc thống nhất nội dung kỳ họp thứ 7 – HĐND tỉnh khóa VII;

UBND tỉnh giao nhiệm vụ Sở Tài chính xây dựng Đề án chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch ở những vùng thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010.

Ngày 08/10/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (thay thế Nghị định số 116/2010/NĐ-CP). Tại điểm 3, Điều 7 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019: “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác định vùng thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thời gian hưởng và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho phù hợp với tình hình cụ thể của những nơi thiếu nước ngọt và sạch tại địa phương*”.

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020. Theo đó, HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về Chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch ở những vùng thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh (Số thứ tự 19, kỳ họp thứ 16, khóa VII).

Đề tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh; Sở Tài

chính đã ban hành các văn bản lấy ý kiến của các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, cụ thể như sau:

1. Quy định về vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

Sở Tài chính có Công văn số 489/STC-QLNS ngày 28/02/2020 đề nghị Sở Nội vụ cung cấp vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc tỉnh quy định tại Nghị định của Chính phủ số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 (các địa bàn thuộc phạm vi Nghị định số 76/2019/NĐ-CP bị điều chỉnh đơn vị hành chính do sắp xếp, sáp nhập, đổi tên,...).

Sở Nội vụ có ý kiến tại Công văn số 196/SNV-CCVC ngày 09/3/2020 (sao gửi kèm), xác định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh Quảng Trị thuộc phạm vi điều chỉnh Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019, gồm: 25 xã, huyện đảo Cồn cỏ;

Ban Dân tộc tại Công văn số 227/BDT-KHTH ngày 11/5/2020 về việc xác định vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gồm 24 xã (không bao gồm huyện đảo Cồn cỏ).

Về nội dung này, căn cứ điểm 2 Điều 1, Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo quy định trên, Huyện đảo Cồn cỏ là đơn vị hành chính không có tổ chức bộ máy cấp xã nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 76/2019/NĐ-CP.

Ngoài ra, đối với những thôn trước đây được TTCP phê duyệt là thôn ĐBKK, nay do sắp xếp, sáp nhập, đổi tên theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh, thì những cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn **thôn đó vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh** tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP **cho đến khi** Chính phủ có Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn **mới thay thế** (Công văn số 196/SNV-CCVC ngày 09/3/2020).

2. Công văn số 828/STC-QLNS ngày 20/3/2020 đề nghị UBND các huyện cung cấp thông tin vùng có điều kiện KTXH ĐBKK thiếu nước ngọt và sạch theo mùa.

3. Sở Tài chính có Công văn số 1277/STC-QLNS ngày 23/4/2020 đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xác định thông tin do các đơn vị, địa phương cung cấp về địa bàn; thời gian thiếu nước ngọt và sạch theo mùa; khoảng cách vận chuyển nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Công văn số 814/SNN-TL ngày 13/5/2020: “Trong giai đoạn lập dự thảo Đề án, trên cơ sở xác định, tổng hợp báo cáo của các địa phương, đề nghị Sở Tài chính căn cứ vào số liệu đó để xây dựng đề án và các địa phương phải chịu trách nhiệm về số liệu do địa phương mình cung cấp, báo cáo”.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, địa phương và ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan, Sở Tài chính dự thảo Tờ trình UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. *(các dự thảo kèm theo)*

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. / *pl*

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Giám đốc, các PGĐ;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020;

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, với nội dung sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 08/10/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Tại điểm 3, Điều 7 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 quy định: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác định vùng thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thời gian hưởng và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho phù hợp với tình hình cụ thể của những nơi thiếu nước ngọt và sạch tại địa phương”.

Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020. Theo đó, HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch ở những vùng thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh.

Để có căn cứ pháp lý triển khai thực hiện chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch ở những vùng thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đảm bảo thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương; việc ban hành quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là hết sức cần thiết.

II. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm:

a) Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp,... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (bao gồm cả trường hợp điều động, biệt phái, luân chuyển và không phân biệt người địa phương với người nơi khác đến) đã được xếp lương theo bảng lương do cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước quy định, đang công tác và đến công tác (theo sự phân công của cấp có thẩm quyền) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức (kể cả người tập sự) trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

- Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế trong các hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa là vùng do điều kiện tự nhiên không có nước ngọt và sạch hoặc có nhưng không đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt từ 01 tháng liên tục trở lên trong năm.

Căn cứ xác định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại thời điểm xây dựng Đề án:

a) Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

b) Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị;

c) Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, khu phố và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

d) Công văn số 335/UBNDT-CSĐT ngày 08/4/2019 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với các thôn đặc biệt khó khăn sau khi sắp xếp, sáp nhập, đổi tên;

e) Đối với những thôn trước đây theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ là những thôn đặc biệt khó khăn nhưng hiện nay đã đổi tên do thực hiện việc sáp nhập theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh, thì những cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn đó vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh cho đến khi Chính phủ có Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi mới thay thế.

Từ những quy định nêu trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt danh sách vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*chi tiết phụ lục kèm theo*).

Hàng năm, căn cứ danh sách phê duyệt của HĐND tỉnh về vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và điều kiện tình hình thực tế thiếu nước của các địa phương năm trước, UBND tỉnh quy định địa bàn thiếu nước làm cơ sở thực hiện chính sách.

2. Thời gian thiếu nước

Thời gian thiếu nước hàng năm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết; cũng như tác động từ các nguyên nhân chủ quan như các công trình cấp nước không được bảo trì, sửa chữa thường xuyên có thể bị hư hỏng không sử dụng được và nguyên nhân khách quan từ việc thu hút các nhà đầu tư tài trợ hệ thống cấp nước hoặc nguồn vốn chương trình mục tiêu nước sạch nông thôn... Theo số liệu khảo sát 289 điểm thiếu nước, thời gian thiếu nước chủ yếu dao động từ 6-10 tháng trong năm. Để đảm bảo thống nhất chung thời gian hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định thời gian hỗ trợ 6 tháng/năm và kết thúc hỗ trợ khi đạt một trong các tiêu chí:

- Thoát khỏi danh sách vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp thẩm quyền;

- Vùng đã có nước sạch phủ đến.

3. Chính sách hỗ trợ

3.1. Phương pháp xác định mức trợ cấp

a) Căn cứ để tính trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho một người bao gồm:

b) Định mức tiêu chuẩn: 6 mét khối/người/tháng (a);

c) Số tháng thực tế thiếu nước ngọt và sạch trong 1 năm (b);

d) Chi phí mua và vận chuyển 01 mét khối nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc của đối tượng được hưởng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (c);

- Giá nước ngọt và sạch để tính chi phí nước ngọt và sạch trong tiền lương là giá kinh doanh 01 mét khối nước sạch do cấp có thẩm quyền ở địa phương quy định (d).

1.2. Cách tính

- Mức trợ cấp được hưởng 01 tháng là: $a \times (c - d)$.

- Mức trợ cấp được hưởng trong 01 năm là: $a \times (c - d) \times b$.

2. Xác định phương án dự kiến hỗ trợ

4.1. Các chỉ tiêu

- Chỉ tiêu c, d

Hiện nay, tỉnh Quảng Trị mới ban hành duy nhất 1 mức giá tiêu thụ nước sạch, chưa quy định chi phí mua 01 mét khối nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc và giá nước ngọt và sạch để tính chi phí nước ngọt và sạch trong tiền lương. Do đó, chênh lệch (c-d) tạm xác định là chi phí vận chuyển 01 mét khối nước.

- Đơn giá vận chuyển

Địa bàn thiếu nước ngọt và sạch chủ yếu ở vùng có điều kiện KTXH ĐBKK, đi lại khó khăn, vì vậy dự kiến đơn giá vận chuyển 1 m³ nước như sau:

Vận dụng đơn giá vận chuyển hàng hóa bằng ô tô trên các tuyến đường khó khăn thuộc xã miền núi phải sử dụng phương tiện xe 3 cầu chạy xăng (điểm 2, điều 3, Chương II, Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND); tính bằng 1,3 lần so với cước vận tải hàng hóa bằng phương tiện ô tô có trọng tải từ 3 tấn trở lên đối với hàng bậc 1, đường loại 1, tương ứng với từng khoảng cách vận chuyển quy định tại Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND tỉnh, cụ thể:

Đơn giá vận chuyển bằng phương tiện ô tô đối với hàng hóa bậc 1 (Vận dụng QĐ 31/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016)		
		ĐVT: đồng
Cự ly	Đơn giá vận chuyển 1 m ³ nước ngọt và sạch	
	Ô tô có trọng tải trên 3 tấn (bậc 1)	Ô tô có trọng tải dưới 3 tấn và vận chuyển ở đường khó khăn thuộc xã miền núi (1,3 lần bậc 1)
	Đường loại 1	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2*1,3 lần</i>
0-10 km	2.823	3.670
11-20 km	1.901	2.471
21-30 km	1.338	1.739
31-35 km	1.297	1.686
36-40 km	1.262	1.641
41-45 km	1.234	1.604
46-50 km	1.209	1.572
51-55 km	1.186	1.542
56-60 km	1.166	1.516
61-70 km	1.148	1.492
71-80 km	1.133	1.473
81-90 km	1.120	1.456
91-100 km	1.110	1.443

- Khoảng cách vận chuyển

Theo số liệu khảo sát, khoảng cách vận chuyển nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc dao động từ 03 – 90km.

4.2. Dự kiến phương án kinh phí hỗ trợ

Trên cơ sở báo cáo của các địa phương về khoảng cách vận chuyển nước ngọt; đối tượng dự kiến được hưởng chính sách là 2.660 người và các chỉ tiêu nêu trên, phương án được xác định theo biểu sau:

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN							
TRỢ CẤP TIỀN MUA VÀ VẬN CHUYỂN NƯỚC NGỌT VÀ SẠCH THEO MÙA							
CÔNG TÁC Ở VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ							
ĐVT: người/dòng/tháng							
Phạm vi khoảng cách	Số điểm thiếu nước/tổng số điểm khảo sát (289 điểm)	Đề xuất vị trí khoảng cách trung bình	Đơn giá vận chuyển (km)	Chi phí vận chuyển	Định mức 6m3	Mức trợ cấp	Phương án chọn (Lựa chọn khoảng cách đáp ứng số điểm thiếu nước đạt mức trung bình/tổng số điểm khảo sát)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)	(7)=(5)*(6)	(8)
Trong phạm vi 10 km	36	5	3.670	18.350	6	110.000	
11-20 km	25	15	2.471	37.065	6	220.000	
21-30 km	37	25	1.739	43.475	6	260.000	
31-35 km	34	33	1.686	55.638	6	330.000	
36-40 km	24	38	1.641	62.358	6	370.000	370.000
41-45 km	25	43	1.604	68.972	6	410.000	
46-50 km	25	48	1.572	75.456	6	450.000	
51-55 km	9	53	1.542	81.726	6	490.000	
56-60 km	13	58	1.516	87.928	6	530.000	
61-70 km	35	65	1.492	96.980	6	580.000	
71-80 km	22	75	1.473	110.475	6	660.000	
81-90 km	4	85	1.456	123.760	6	740.000	
91-100 km	0	95	1.443	137.085	6	820.000	

Tại phạm vi khoảng cách từ 36-40km, tương ứng với mức hỗ trợ là 370.000 đồng/người/tháng, đáp ứng số điểm thiếu nước là 156 điểm/289 điểm khảo sát, chiếm tỷ lệ 54% và đáp ứng nhu cầu của 1.512 CBCC/2.660 CBCC, chiếm 57% tổng số đối tượng.

Trong điều kiện địa phương chưa ban hành mức giá mua 01 mét khối nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc của đối tượng; giá nước ngọt và sạch để tính chi phí nước ngọt và sạch trong tiền lương và việc xác định điểm thiếu nước chưa được quy định cụ thể, chỉ mang tính tương đối theo số liệu khảo sát do các địa phương cung cấp.

Để tạo điều kiện hỗ trợ kịp thời chi phí mua nước ngọt cho CBCC đang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thống nhất quy định chung 1 mức hỗ trợ là 370.000 đồng/người/tháng.

Khi địa phương ban hành đầy đủ quy định liên quan đến các chỉ tiêu nêu trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

4.3. Đánh giá ưu, nhược điểm của phương án

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa, khoảng cách vận chuyển nước đến nơi ở và nơi làm việc tại thời điểm xây dựng Đề án là thông tin do các đơn vị, địa phương cung cấp, chưa qua khảo sát thực tế hiện trường nên chỉ mang tính tham khảo để phục vụ tính toán mức trợ cấp;

Trên thực tế hàng năm, địa bàn, thời gian thiếu nước ở các vùng có thể thay đổi tùy vào điều kiện thời tiết; cũng như tác động từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác, như: các công trình cấp nước không được bảo trì, sửa chữa thường xuyên có thể bị hư hỏng không sử dụng được hoặc thu hút nguồn lực đầu tư hệ thống cấp nước hoặc nguồn vốn chương trình mục tiêu nước sạch nông thôn....

Để thực hiện chi trả chính sách, các địa phương cần xác định địa bàn thiếu nước, thời gian thực tế thiếu nước; khoảng cách vận chuyển nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc và tình trạng sử dụng các công trình cấp nước trên địa bàn theo tình hình thực tế;

Từ những phân tích trên, phương án lựa chọn có ưu điểm:

+ Mức trợ cấp hàng tháng đạt trên mức trung bình, cơ bản đáp ứng một phần chi phí mua nước ngọt cho cán bộ, công chức, người lao động và phù hợp với khả năng ngân sách địa phương.

+ Dễ triển khai thực hiện; thuận lợi cho quá trình chi trả và công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách.

+ Hạn chế mức độ sai phạm trong việc xác định địa bàn thiếu nước và khoảng cách vận chuyển nước đến nơi ở và nơi làm việc.

+ Tiết kiệm chi phí, thời gian, nguồn lực và giảm bớt thủ tục hành chính.

Nhược điểm: Trong điều kiện ngân sách địa phương còn khó khăn, việc ban hành chính sách mới đáp ứng một phần nhu cầu chi phí mua và vận chuyển nước ngọt và sạch.

5. Nguồn kinh phí

- Đối với cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang thì nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Đề án này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Đối với viên chức và người lao động trong đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thì kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Đề án này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp (nếu có).

6. Trách nhiệm chi trả

Đối tượng thuộc danh sách trả lương của cơ quan, tổ chức, đơn vị nào do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó chi trả. Khoản trợ cấp không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế.

7. Thời gian thực hiện Đề án: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Hướng dẫn việc chi trả, thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa được phê duyệt; hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã rà soát, xác định địa bàn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trình UBND tỉnh phê duyệt vào thời điểm tháng 01 hàng năm.

1. Sở Xây dựng

Hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tình trạng sử dụng hệ thống cấp nước sạch các địa phương và các địa phương chưa có hệ thống đầu nối liên thông công trình cấp nước tập trung nên không thể bơm nước chống hạn và khả năng thiếu nước xảy ra.

2. Ủy ban nhân dân các huyện

Vào thời điểm tháng 11 năm trước liền kề, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) địa bàn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Báo cáo UBND huyện địa bàn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa phù hợp tình hình thực tế ở địa phương và chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu, thông tin cung cấp.

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan: chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách và quản lý, sử dụng kinh phí chi trả chính sách đúng quy định.

Trên đây là Tờ trình quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (Báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- UBND các huyện Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh; Côn Cò;
- Chánh VP, các Phó CVP;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số : /2020/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch theo mùa đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA.....KỶ HỌP THỨ.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị ban hành Nghị quyết chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và các ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm:

a) Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp,... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (bao gồm cả trường hợp điều động, biệt phái, luân chuyển và không phân biệt người địa phương với người nơi khác đến) đã được xếp lương theo bảng lương do cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước quy định, đang công tác và đến công tác (theo sự phân công của cấp có thẩm quyền) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức (kể cả người tập sự) trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);

b) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

d) Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế trong các hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

e) Người hưởng lương trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thực hiện theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

a) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa là vùng do điều kiện tự nhiên không có nước ngọt và sạch hoặc có nhưng không đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt từ 01 tháng liên tục trở lên trong năm.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

c) Trường hợp nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (hoặc nơi công tác được cấp có thẩm quyền quyết định không còn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) thì thôi hưởng chế độ trợ cấp tiền mua và vận chuyển

nước ngọt và sạch quy định tại Nghị quyết này kể từ ngày nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (hoặc nơi công tác được cấp có thẩm quyền quyết định không còn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

a) Thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ.

b) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa (*phụ lục kèm theo*).

Hàng năm, căn cứ vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa và tình hình thực tế, UBND tỉnh phê duyệt địa bàn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

c) Mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch: 370.000 đồng/người/tháng.

d) Thời gian hỗ trợ: 6 tháng/năm.

e) Thời gian áp dụng, từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

f) Nguồn kinh phí

- Đối với cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang thì nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Đề án này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Đối với viên chức và người lao động trong đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thì kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp (nếu có).

k) Trách nhiệm chi trả: Đối tượng thuộc danh sách trả lương của cơ quan, tổ chức, đơn vị nào do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó chi trả. Khoản trợ cấp không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật. Trong điều kiện khi giá nước kinh doanh, chi phí vận chuyển có biến động và tình hình thiếu nước ngọt và sạch ở địa bàn thuộc phạm vi điều chỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung chính sách trợ cấp cho phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban và các đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,

các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân tỉnh Quảng Trị Khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày...tháng...năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- VP: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP;
- TT Tin học (đăng Công báo);
- Lưu: Văn thư.

CHỦ TỊCH

**DANH SÁCH VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THIẾU NƯỚC NGỌT VÀ SẠCH THEO MÙA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày tháng năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Thôn, bản	Ghi chú
I	HUYỆN HƯỚNG HÓA		
	Xã Khu vực III		
	Xã Hướng Lập		
		Thôn A Xóc - Cha Lý	
		Thôn Sê Pu - Ta Păng	
		Thôn Cựp - Cuôi	
		Thôn Tri	
		Thôn Cù Bai	
	Xã Ba Tầng		
		Thôn Ba Lòng	
		Thôn Ba Tầng	
		Thôn Loa	
		Thôn Trùm	
		Thôn Hùn	
		Thôn Vàng	
		Thôn Măng Sông	
	Xã Lia		
		Thôn A Máy	
		Thôn Kỳ Tăng	
		Thôn A MôR	
		Thôn A Rông	
	Xã Húc		
		Thôn Ván Ri	Chỉ Cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Húc Ván
		Thôn Ta Ri 2	
		Thôn Ta Núc	
		Thôn Húc Thượng	
		Thôn Ho Le	
		Thôn Ta Rùng	
		Thôn Cu Dòng	
		Thôn Ta Cu	
	Xã Hướng Sơn		
		Thôn Ra Ly - Rào	

I	HUYỆN HƯỚNG HÓA		
		Thôn Nguồn Rào - Pin	
		Thôn Hồ	
		Thôn Mới	
		Thôn Trĩa	
		Thôn Cát	
	Xã A Dơi		
		Thôn A Dơi Đór	
		Thôn Xa Doan	
		Thôn Proi Xy	
		Thôn Prin Thành	
		Thôn A Dơi Cồ	
		Thôn Đồng Tâm	
	Xã Hướng Lộc		
		Thôn Cu Ta Ka	
		Thôn Trầm Cheng	
		Thôn Ra Ty	
		Thôn Ta Xia	
		Thôn Cu Ty	
		Thôn Cúa	
	Xã Xy		
		Thôn Troan La Reo	
		Thôn Ra Po	
		Thôn Ra Man	
	Xã Hướng Tân		
		Thôn Xa Rường	
	Xã Thanh		
		Thôn Ba Viêng	
		Bản 10	
		Thôn A Ho	
		Thôn Thanh I	
		Thôn Thanh Ô	
		Thôn mới	
	Xã Hướng Việt		
		Thôn Ka Tiêng	
		Thôn Tà Rùng	
		Thôn Xà Đưng	
		Thôn Trăng-Tà Puồng	
	Xã Hướng Linh		Không có vùng thiếu nước

I	HUYỆN HUỐNG HÓA		
	Xã Lia		
		Thôn Tăng Cô Hang	Chi Cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Tăng Cô
		Thôn Kỳ Nơi	
		Thôn A Xóc Lia	Chi Cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Húc, Palu
	Thôn đặc biệt khó khăn		
		Thôn Hà Lệt	
		Thôn Ka Túp	
		Thôn Úp Ly 2	
II	HUYỆN ĐAKRÔNG		
	Xã Khu vực III		
	Xã Ba Nang		
	-	Ra Lây	
	-	Thôn Ba Nang	
	-	Thôn Đá Bàn	
	-	Sa Trầm	
	-	Ra Poong	
	-	Thôn Ngược	
	Xã Húc Nghi		
	-	Thôn Húc Nghi	
	-	Thôn Cựp	
	-	Thôn La Tó	
	-	Thôn 37	
	Xã A Bung		
	-	Thôn Cu Tài 1	
	-	Thôn A Bung	
	-	Thôn Ty Nê	
	-	Thôn Cựp	
	Xã Hướng Hiệp		
		Thôn Phú An	
		Thôn Ruộng	
		Khe Hà	Chi Cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Khe Hiên và Hà Bạc
		Thôn Krong	

I	HUYỆN HƯỚNG HÓA		
	Xã A Ngo		
		- Thôn La Lay	
		- thôn A Đeng	
		- A Ngo	
		- Thôn A La	
		- Thôn Kỳ Neh	Chi Cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Ấng Công
		A Rông trên	
		A Rông dưới	
	Xã A Vao		
		- Thôn A Vao	Chi Cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn A Vao cũ
		- Thôn Ra Ró	
		- Thôn Tân Đi 1	
		- Thôn Tân Đi 2	
		- Thôn Tân Đi 3	
		- Thôn Pa Ling	
	Xã Đakrông		
		- Thôn Klu	
		- Thôn Vùng Kho	
		- Thôn Chân Rò	
		- Thôn Khe Ngai	
		- Thôn Xã Lãng	
		- Thôn Pa Tầng	
		- Thôn Làng Cát	
		Thôn Tà lêng	
	Xã Tà Long		
		- Trại cá	
		- Thôn Tà Lao	
		- thôn Ly Tôn	
		- Thôn Chai	
		- Thôn Pa Ngày	
		Thôn PaHy	
		Thôn Sa Ta	
	Xã Tà Rụt		
		- Thôn A.Pul	Chi Cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn A Pun

I	HUYỆN HUỚNG HÓA		
		- Thôn A Đăng	
		- Thôn A Liêng	
		Thôn Tà rụt 1	
	Thôn đặc biệt khó khăn		
		Thôn Khe Luồi	
		Thôn 5	
III	HUYỆN CAM LỘ		- Không có vùng thiếu nước
IV	HUYỆN GIO LINH		-
	Xã Linh Trường		
		- Cu Đĩnh	
		- Thôn Khe Me	
		- Thôn Trường Thành	
		- Bến tắt	Chi Cơ quan, đơn vị trước đây đóng trên địa bàn thôn Xóm bầu cũ
V	HUYỆN VĨNH LINH		-
	Xã Khu vực III		
	Xã Vĩnh Ô		
		- Thôn Xà lời	
		- Thôn Mít	
	Xã Vĩnh Khê		
		- Thôn mới	Chi Cơ quan, đơn vị trước đây đóng trên địa bàn thôn Khe Lương

Ghi chú:

Danh sách vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được xác định tại thời điểm xây dựng Đề án căn cứ các văn bản sau:

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;
- Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị;
- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, khu phố và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố đổi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Báo cáo của các đơn vị, địa phương về vùng chưa có nước sạch phù đến.